

### 8.2.2.2. Kế toán các quỹ doanh nghiệp.

#### a. Nguồn hình thành và mục đích sử dụng các quỹ doanh nghiệp.

Các quỹ doanh nghiệp bao gồm quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi. Các quỹ doanh nghiệp được hình thành bằng cách trích một tỷ lệ nhất định từ phần lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp theo quy định của chế độ tài chính và từ một số nguồn khác (viện trợ, tặng thưởng, cấp dưới nộp, cấp trên cấp bổ sung...). Các quỹ doanh nghiệp được sử dụng cho từng mục đích chi tiêu riêng.

**Quỹ đầu tư phát triển:** Quỹ này được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty; sử dụng cho các mục đích mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư theo chiều sâu, mua sắm, xây dựng tài sản cố định, cải tiến và đổi mới dây chuyền sản xuất, đổi mới công nghệ, mua cổ phiếu, góp cổ phần, nghiên cứu khoa học, trích nộp lên cấp trên để hình thành quỹ phát triển ...

**Quỹ dự phòng tài chính** được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu; Ngoài ra một phần sẽ trích nộp lên đơn vị cấp trên theo tỷ lệ quy định.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty. Mức thưởng do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty (đối với Công ty không có Hội đồng quản trị).

**Quỹ khen thưởng** được dùng để: Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty Nhà nước; Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty Nhà nước; Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty Nhà nước có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

**Quỹ phúc lợi** được dùng để: Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty; Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội; Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng; Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi do Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (đối với Công ty không có Hội đồng quản trị) quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty.

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

#### b. Kế toán quỹ đầu tư phát triển

##### Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh số tiền hiện có và tình hình tăng giảm quỹ đầu tư phát triển kế toán sử dụng Tài khoản 414. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 414 - Quỹ đầu tư phát triển

##### Bên Nợ:

- Chi tiêu quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp.
- Cấp quỹ đầu tư phát triển cho đơn vị cấp dưới.

**Bên Có:**

- Quỹ đầu tư phát triển tăng do trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế để lại cho doanh nghiệp
- Quỹ đầu tư phát triển tăng do cấp dưới nộp lên, do cấp trên cấp xuống.

**Số dư bên Có :** Số quỹ đầu tư phát triển hiện có của doanh nghiệp.

**Trình tự kế toán**

Trong kỳ tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế, kế toán ghi:

Nợ TK 421 (4212) - Lãi chưa phân phối  
Có TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Cuối năm xác định số quỹ đầu tư phát triển thực tế được trích lập thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 421 - Lãi chưa phân phối  
Có TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Nhận quỹ đầu tư phát triển do cấp trên cấp hoặc cấp dưới nộp lên, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112  
Có TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Khi chi dùng quỹ đầu tư phát triển để mua sắm, xây dựng TSCĐ đã hoàn thành và đã đưa vào sử dụng, đồng thời với việc ghi tăng giá trị TSCĐ, kế toán tiến hành kết chuyển nguồn vốn, ghi:

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển  
Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Dùng quỹ đầu tư phát triển bổ sung nguồn vốn đầu tư XDCB, ghi:

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển  
Có TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

Bổ sung vốn kinh doanh từ quỹ đầu tư phát triển khi được phép của Hội đồng quản trị hoặc cấp có thẩm quyền, ghi:

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển  
Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Cấp quỹ đầu tư phát triển cho đơn vị cấp dưới; Nộp quỹ đầu tư phát triển cho cấp trên, ghi:

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển  
Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng  
Có TK 111 - Tiền mặt

**C. Kế toán quỹ dự phòng tài chính**

**Tài khoản sử dụng**

Để phản ánh số tiền hiện có và tình hình tăng giảm quỹ dự phòng tài chính kế toán sử dụng tài khoản 415- Quỹ dự phòng tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 415 như sau:

**Bên Nợ:**

- Chi tiêu quỹ dự phòng tài chính.
- Cấp quỹ dự phòng tài chính cho cấp dưới, hoặc nộp lên đơn vị cấp trên

**Bên Có:**

- Quỹ dự phòng tài chính tăng do trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế để lại cho doanh nghiệp
- Quỹ dự phòng tài chính tăng do cấp dưới nộp lên, do cấp trên cấp xuống.

**Số dư bên Có:**

- Số quỹ đầu tư phát triển hiện có của doanh nghiệp

**Trình tự kế toán**

Khi tạm trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế để lại cho doanh nghiệp kế toán ghi:

Nợ TK 421 (4212) - Lãi chưa phân phối  
Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Cuối năm trước khi lập báo cáo tài chính, xác định số quỹ dự phòng tài chính được trích lập thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 421 - Lãi chưa phân phối

Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Khi nhận quỹ dự phòng tài chính do cấp trên cấp hoặc cấp dưới nộp lên, kế toán ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Các khoản được bồi thường do các đơn vị, các cá nhân gây thiệt hại được phép ghi tăng quỹ dự phòng tài chính, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi trên đường

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Có TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Giá trị tài sản thiệt hại được bù đắp từ Quỹ dự phòng tài chính, kế toán ghi :

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 151 - Hàng mua đang đi trên đường

Có TK 156 - Hàng hoá

Các khoản thiệt hại doanh nghiệp phải bồi thường cho các đơn vị, các cá nhân, kế toán ghi :

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 151 - Hàng mua đang đi trên đường

Có TK 156 - Hàng hoá

Số lỗ trong kỳ được bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính, kế toán ghi:

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 421(4212 ) - Lãi chưa phân phối

Chia quỹ dự phòng tài chính cho các cổ đông, các bên liên doanh, các thành viên .... khi doanh nghiệp giải thể, hoặc sử dụng không hết, kế toán ghi :

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Quỹ dự phòng tài chính bổ sung nguồn vốn KD theo quyết định của cấp có thẩm quyền, ghi:

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Cấp quỹ dự phòng tài chính cho đơn vị cấp dưới; Nộp quỹ đầu tư phát triển cho cấp trên, ghi:

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 111 - Tiền mặt

#### **d. Kế toán các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

##### **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 418 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, như quỹ thưởng Ban điều hành Công ty....

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 418 – Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

##### **Bên Nợ:**

Tình hình chi tiêu, sử dụng các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

##### **Bên Có:**

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tăng do được trích lập từ lợi nhuận sau thuế.

##### **Số dư bên Có:**

Số quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hiện có của doanh nghiệp

##### **Trình tự kế toán**

Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 418 – Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Trường hợp đơn vị cấp dưới được đơn vị cấp trên cấp quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, đơn vị cấp dưới ghi:

Nợ TK 111, 112, 136, ...

Có TK 418 – Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Trường hợp đơn vị cấp dưới nộp đơn vị cấp trên để hình thành quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, ghi:

Nợ TK 418 – Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Có TK 111, 112, 136, ...

Trường hợp các đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp quyết định thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc từ quỹ thưởng Ban điều hành Công ty, ghi:

Nợ TK 418 – Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Có TK 111, 112

#### **e. Kế toán quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi**

##### **Tài khoản sử dụng**

Để phản ánh số hiện có và tình hình trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi kế toán sử dụng tài khoản 431.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi phải theo đúng quy định của chế độ tài chính hiện hành và phải hạch toán chi tiết theo từng loại quỹ.
- Đối với TSCĐ đầu tư, mua sắm bằng quỹ phúc lợi dùng vào SXKD thì đồng thời việc ghi tăng giá trị TSCĐ, kế toán phải ghi tăng nguồn vốn kinh doanh và ghi giảm quỹ phúc lợi.
- Đối với TSCĐ đầu tư, mua sắm bằng quỹ phúc lợi phục vụ nhu cầu văn hoá, phúc lợi thì đồng thời ghi tăng giá trị TSCĐ, ghi tăng quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ và ghi giảm quỹ phúc lợi. Hàng tháng không trích khấu hao mà chỉ tính hao mòn TSCĐ vào cuối năm.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 431- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

##### **Bên Nợ:**

- Tình hình chi tiêu sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
- Giảm quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ khi tính hao mòn TSCĐ hoặc do nhượng bán, thanh lý TSCĐ đầu tư mua sắm bằng quỹ phúc lợi khi hoàn thành dùng cho phục vụ nhu cầu văn hoá, phúc lợi.
- Cấp quỹ phúc lợi, khen thưởng cho cấp dưới hoặc nộp cấp trên

##### **Bên Có:**

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
- Quỹ phúc lợi, khen thưởng được cấp trên cấp hoặc cấp dưới nộp lên
- Tăng quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ khi đầu tư mua sắm TSCĐ bằng quỹ phúc lợi, khi hoàn thành phục vụ nhu cầu văn hoá phúc lợi.

**Số dư bên Có:** Số quỹ khen thưởng, phúc lợi hiện có của doanh nghiệp.

Tài khoản 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi có 3 tài khoản cấp II:

- Tài khoản 4311- Quỹ khen thưởng
- Tài khoản 4312- Quỹ phúc lợi
- Tài khoản 4313- Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

Kết cấu nội dung phản ánh của tài khoản 4313

##### **Bên Nợ:**

- Phản ánh quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ giảm do.
- Tính hao mòn TSCĐ dùng vào hoạt động văn hoá, phúc lợi
- Nhượng bán, thanh lý TSCĐ dùng vào hoạt động văn hoá, phúc lợi.

##### **Bên Có:**

- Phản ánh quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ tăng do đầu tư mua sắm TSCĐ bằng quỹ phúc lợi, khi hoàn thành dùng vào hoạt động phúc lợi.

**Số dư bên Có:**

- Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ hiện có cuối kỳ.

**Trình tự kế toán**

Trong năm tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ghi:

Nợ TK 421 - Lãi chưa phân phối (4212)

Có TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4311, 4312)

Cuối năm trước khi lập báo cáo tài chính, xác định số quỹ dự phòng tài chính được trích lập thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 421(4211) - Lãi chưa phân phối

Có TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4311, 4312)

Dùng quỹ phúc lợi bổ sung nguồn vốn đầu tư XDCB, ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4312)

Có TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

Nhận quỹ khen thưởng, phúc lợi do cấp trên cấp hoặc cấp dưới nộp lên

- Đơn vị nhận ghi:

Nợ TK 111, 112, 136

Có TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4311, 4312)

- Đơn vị nộp ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4311, 4312)

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 336 - Phải trả nội bộ

Tính tiền thưởng cho công nhân viên và người lao động khác trong doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4311)

Có TK 334 - Phải trả cho công nhân viên

Dùng quỹ phúc lợi để chi trợ cấp khó khăn, chi cho cán bộ công nhân viên nghỉ mát, chi cho phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng, ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4312)

Có TK 111, 112

Dùng quỹ phúc lợi ủng hộ các vùng thiên tai, các tổ chức từ thiện ... ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4312)

Có TK 111, 112

Khi biếu tặng sản phẩm hàng hóa thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi, kế toán ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4311, 4312)

Có TK 512 - Doanh thu nội bộ

Có 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Khi đầu tư, mua sắm TSCĐ hoặc đầu tư XDCB bằng quỹ phúc lợi, TSCĐ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Có TK 111, 112

Có TK 241 - Chi phí XDCB dở dang (2412)

- Nếu TSCĐ hoàn thành dùng vào hoạt động SXKD, kế toán kết chuyển nguồn vốn ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi(4312)

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

- Nếu TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng, phục vụ cho nhu cầu văn hoá, phúc lợi, kế toán kết chuyển nguồn vốn ghi:

Nợ TK 4312 - Quỹ phúc lợi

Có TK 4313 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

TSCĐ dùng vào hoạt động phúc lợi trong kỳ không trích khấu hao, vào ngày cuối cùng của niên độ kế toán, tính hao mòn TSCĐ đầu tư, mua sắm bằng quỹ phúc lợi, sử dụng phục vụ cho nhu cầu văn hoá, phúc lợi ghi:

Nợ TK 4313 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ

Khi nhượng bán, thanh lý TSCĐ đầu tư bằng quỹ phúc lợi, dùng vào hoạt động phúc lợi, ghi:

Nợ TK 4313 - Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình

- Số thu, các khoản chi và chênh lệch thu chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ đầu tư, mua sắm bằng quỹ phúc lợi dùng vào hoạt động phúc lợi được xử lý và hạch toán theo quyết định thanh lý và nhượng bán TSCĐ của cấp có thẩm quyền.

**g. Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.**

**Tài khoản sử dụng.**

Để phản ánh số hiện có và tình hình trích lập, sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 441 - Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Nội dung phản ánh của tài khoản 441 như sau:

**Bên Nợ :** Số vốn đầu tư xây dựng cơ bản giảm do:

- Xây dựng mới và mua sắm TSCĐ hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và đã quyết toán vốn đầu tư

- Nộp lại vốn đầu tư XDCB sử dụng không hết

**Bên Có:** Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng do:

- Nhà đầu tư cấp hoặc góp vốn

- Nhận vốn ĐTXDCB từ viện trợ, tài trợ;

- Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển

**Số dư bên Có:** Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hiện có của doanh nghiệp chưa sử dụng; hoặc đã sử dụng nhưng công tác xây dựng cơ bản chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng quyết toán chưa duyệt.

**Trình tự kế toán**

Khi nhận vốn đầu tư XDCB do ngân sách cấp, cấp trên cấp, do các nhà đầu tư góp vốn, các cổ đông góp vốn cổ phần, kế toán ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Có TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

- Nhận công trình XDCB dở dang từ các đơn vị khác đang thi công theo quyết định của cấp có thẩm quyền, kế toán ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (2412)

Có TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

- Bổ sung nguồn vốn đầu tư XDCB từ phân lợi nhuận sau thuế, kế toán ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

Bổ sung vốn đầu tư XDCB từ quỹ đầu tư phát triển, kế toán ghi :

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Có TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

Kết chuyển giảm nguồn vốn XDCB khi đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ hoàn thành bàn giao:

Nợ TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh.

Khi trả vốn đầu tư XDCB cho Ngân sách, cấp trên, các nhà đầu tư, kế toán ghi:

Nợ TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng